



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**  
**THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN BKR INTERNATIONAL**  
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
**ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
**ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3**

Địa chỉ: Số 16 đường Lê Đại Hành – Quận Hồng Bàng – TP Hải Phòng

Tel: (84-31) 3 842 218 Fax: (84-31) 3 823 125

---

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	10 - 29

8-C  
TY  
HỮU  
ĐỊNH  
HAI  
TP



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty CP Dược phẩm Trung ương 3 (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

**Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 và đến ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, gồm:

***Hội đồng quản trị***

Ông Bùi Xuân Hường	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	Ủy viên
Bà Hoàng Bích Liên	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 24/04/2014)
Ông Đinh Văn Cường	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 24/04/2014)
Ông Hoàng Duy Anh	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 24/04/2014)

***Ban Tổng giám đốc***

Ông Bùi Xuân Hường	Tổng giám đốc
Bà Hoàng Bích Liên	Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 28/07/2014)
Bà Ngô Thị Hồng	Phó Tổng giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	Kế toán trưởng

**Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính tổng hợp này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

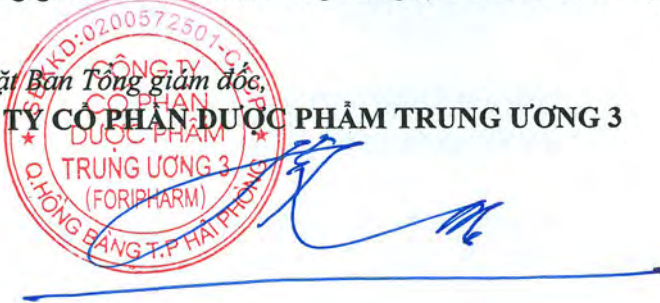
Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*(tiếp theo)*

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

*Thay mặt Ban Tổng giám đốc,*  
**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3**



**Bùi Xuân Hường**  
**Tổng Giám đốc**

*Hải Phòng, ngày 09 tháng 02 năm 2015*



Số : 58<sup>A</sup>-15/BC-TC/III-VAE

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2015

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông**

**Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 09 tháng 02 năm 2015, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 giữ năm (05) bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ một (01) bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



**Phạm Hùng Sơn**

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

**Nguyễn Vũ Huy**

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2327-2013-034-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>62.257.261.480</b>	<b>84.468.675.099</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>2.426.466.840</b>	<b>18.951.623.984</b>
1 Tiền	111	V.1.	2.426.466.840	18.951.623.984
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>14.456.669.719</b>	<b>22.698.761.614</b>
1 Phải thu của khách hàng	131	VIII.3.1	14.773.604.910	17.682.006.393
2 Trả trước cho người bán	132	VIII.3.2	395.306.254	6.016.573.470
3 Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
5 Các khoản phải thu khác	135	V.2.	352.233.508	24.656.704
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.064.474.953)	(1.024.474.953)
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>43.517.346.138</b>	<b>39.233.631.951</b>
1 Hàng tồn kho	141	V.3.	43.517.346.138	39.233.631.951
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.856.778.783</b>	<b>3.584.657.550</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7.356.819	-
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		959.869.482	2.768.858.534
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.3.3	889.552.482	815.799.016
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>89.578.859.205</b>	<b>62.857.343.280</b>
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>88.166.537.625</b>	<b>62.154.738.341</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.4.	86.841.037.625	37.650.060.347
- Nguyên giá	222		108.551.131.654	54.368.342.952
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.710.094.029)	(16.718.282.605)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.5.	1.325.500.000	24.504.677.994
<b>III Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.412.321.580</b>	<b>702.604.939</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6.	1.409.321.580	699.604.939
3. Tài sản dài hạn khác	268		3.000.000	3.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>151.836.120.685</b>	<b>147.326.018.379</b>

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

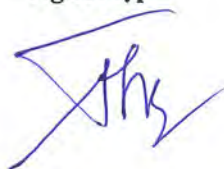
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
<b>A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>55.557.562.142</b>	<b>55.688.528.363</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>35.238.761.142</b>	<b>49.988.528.363</b>
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.7.	17.328.956.845	26.743.686.345
2 Phải trả người bán	312	VIII.3.4	10.921.481.472	15.527.148.654
3 Người mua trả tiền trước	313	VIII.3.5	156.688.360	1.126.202.220
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.8.	2.826.392.162	4.580.848.472
5 Phải trả người lao động	315		1.455.294.903	936.984.957
6 Chi phí phải trả	316	V.9.	1.826.483.183	14.719.492
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.10.	702.595.139	1.017.685.165
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		20.869.078	41.253.058
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>20.318.801.000</b>	<b>5.700.000.000</b>
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.11.	20.318.801.000	5.700.000.000
<b>B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>96.278.558.543</b>	<b>91.637.490.016</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.12.</b>	<b>96.278.558.543</b>	<b>91.637.490.016</b>
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		52.500.000.000	52.500.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		26.034.627.500	26.084.627.500
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		3.788.564.847	3.391.436.332
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		1.608.146.909	1.211.018.394
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		12.347.219.287	8.450.407.790
<b>II Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
2 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>151.836.120.685</b>	<b>147.326.018.379</b>

Hải Phòng, ngày 09 tháng 02 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3

Người lập



Nguyễn Thị Kim Thu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Kim Thu

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Hương



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.13.	184.371.323.690	151.907.407.873
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.14.	75.421.180	27.405.632
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.15.	184.295.902.510	151.880.002.241
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.16.	106.358.320.330	89.678.099.099
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		77.937.582.180	62.201.903.142
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.17.	49.280.721	52.913.835
7 Chi phí tài chính	22	VI.18.	3.361.095.375	6.063.487.353
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.223.952.330	2.519.865.727
8 Chi phí bán hàng	24	VIII.3.6	35.307.251.113	31.618.078.154
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.3.7	20.795.073.233	13.849.190.847
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		18.523.443.180	10.724.060.623
11 Thu nhập khác	31	VIII.3.8	917.870.950	4.026.693.819
12 Chi phí khác	32	VIII.3.9	2.020.234.007	320.955.990
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(1.102.363.057)	3.705.737.829
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		17.421.080.123	14.429.798.452
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.19.	5.731.328.864	6.487.228.162
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		11.689.751.259	7.942.570.290
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.21.	2.227	2.251

Hải Phòng, ngày 09 tháng 02 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3

Người lập



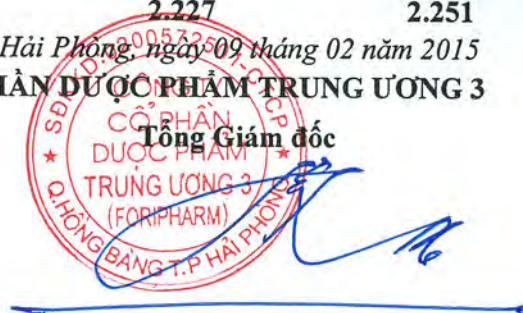
Nguyễn Thị Kim Thu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Kim Thu

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Hương



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
<b>I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		189.460.510.944	187.229.492.566
2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(170.946.413.040)	(143.430.233.458)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03		(25.249.400.312)	(19.144.691.017)
4 Tiền chi trả lãi vay	04		(3.105.340.596)	(2.273.733.105)
5 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(9.222.834.585)	(3.239.907.407)
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		55.635.243.908	5.936.475.794
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(42.774.457.864)	(26.292.445.467)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(6.202.691.545)</b>	<b>(1.215.042.094)</b>
<b>II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ & các TSDH khác	21		(15.537.758.720)	(16.097.910.687)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các TSDH	22		-	-
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24		-	-
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	-
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		44.614.521	52.913.835
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(15.493.144.199)</b>	<b>(16.044.996.852)</b>
<b>III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	17.500.000.000
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		47.271.979.226	39.764.147.702
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(42.101.300.626)	(21.827.786.357)
5 Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(3.379.250.299)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>5.170.678.600</b>	<b>32.057.111.046</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(16.525.157.144)</b>	<b>14.797.072.100</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>18.951.623.984</b>	<b>4.154.551.884</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.1.</b>	<b>2.426.466.840</b>	<b>18.951.623.984</b>

Hải Phòng, ngày 09 tháng 02 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Kim Thu

Nguyễn Thị Kim Thu

Bùi Xuân Hương



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Xí nghiệp Dược phẩm Trung ương 3 thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam và được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 4688/2003/QĐ-BYT ngày 01/09/2003 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Công ty hiện nay hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0203000632 ngày 01/12/2003. Công ty có 10 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 24/11/2014 thì vốn điều lệ của Công ty là 52.500.000.000 VND (Năm mươi hai tỷ năm trăm triệu đồng).

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thuốc và dịch vụ thương mại.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Sản xuất, kinh doanh dược phẩm, hóa chất, mỹ phẩm, thực phẩm bổ dưỡng;
- Kinh doanh, nuôi trồng, chế biến dược liệu;
- Buôn bán máy móc, thiết bị y tế.
- Kinh doanh, nuôi trồng, chế biến dược liệu;
- Buôn bán máy móc, thiết bị y tế.

Trụ sở chính của Công ty: Số 16 đường Lê Đại Hành – Quận Hồng Bàng – TP Hải Phòng  
Tel: (84-31) 3 842 218 Fax: (84-31) 3 823 125

Các đơn vị trực thuộc của Công ty gồm:

Chi nhánh tại Hà Nội: Số 358 đường Giải Phóng – Quận Thanh Xuân – TP Hà Nội  
Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh: Số 42/74 Nguyễn Giản Thanh – Quận 10 – TP Hồ Chí Minh.  
Chi nhánh tại TP Hải Phòng: Số 16 đường Lê Đại Hành – Quận Hồng Bàng – TP Hải Phòng.

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán****1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng****1. Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được tổng hợp từ báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty, Chi nhánh Hà Nội và Chi nhánh Hồ Chí Minh (riêng Chi nhánh tại Thành phố Hải Phòng do mới thành lập ngày 21/11/2014 nên trong năm 2014 Chi nhánh chưa phát sinh các hoạt động kinh doanh, do đó, không có số liệu để tổng hợp trong Báo cáo tài chính này). Các giao dịch nội bộ và số dư công nợ nội bộ giữa Văn phòng Công ty với các chi nhánh và giữa các chi nhánh với nhau đã được bù trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**  
*(tiếp theo)*

**2. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**4. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

**IV. Các chính sách kế toán áp dụng**

**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

**Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán**

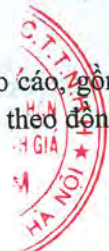
Đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh.

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính số dư các khoản tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch bình quân của các ngân hàng thương mại mà doanh nghiệp mở tài khoản công bố thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính.

**2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP****Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014****(tiếp theo)**

**Giá gốc hàng tồn kho bao gồm:** chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền cuối tháng. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Tại thời điểm 31/12/2014, Công ty không có hàng tồn kho phải trích lập dự phòng giảm giá.

**3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ****3.1 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<b>Loại tài sản cố định</b>	<b>Thời gian khấu hao (năm)</b>
Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	07 - 10

**4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Các khoản vay ngắn hạn của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước dài hạn**

Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn, thời gian sử dụng dài và các chi phí trả trước được phân bổ đều trong 2 năm.

**6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm khoản trích trước chi phí dự phòng 17% tiền lương, chi phí lãi vay thực tế chưa chi nhưng được ước tính để ghi nhận vào chi phí trong kỳ, dựa trên hợp đồng vay,



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**

*(tiếp theo)*

**7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm thuốc chữa bệnh, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, doanh thu buôn bán các sản phẩm thiết bị y tế và doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay.

Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

**9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá đã thực hiện trong kỳ và các khoản chi phí tài chính khác.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và mức thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

**11. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

**11.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả**

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chỉ, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên bán.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP****Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014***(tiếp theo)*

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**11.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí công trình xây dựng chi nhánh tại Đà Nẵng được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

**11.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn**

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn.

**11.4 Các nghĩa vụ về thuế*****Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)***

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 0% đối với các lô hàng xuất khẩu, 5% đối với thuốc chữa bệnh và 10% đối với các mặt hàng khác.

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

***Thuế khác***

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**11.5 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán tổng hợp**

1. Tiền	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	95.335.087	363.948.119
Văn phòng Công ty	26.039.456	142.743.135
Chi nhánh tại Hà Nội	68.345.568	220.536.083



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

**3.10 Thông tin so sánh**

Là số liệu lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2013 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hải Phòng, ngày 09 tháng 02 năm 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3**

**Người lập**



**Nguyễn Thị Kim Thu**

**Kế toán trưởng**



**Nguyễn Thị Kim Thu**

**Tổng Giám đốc**



**Bùi Xuân Hương**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**

(tiếp theo)

Chi nhánh tại TP. HCM	950.063	668.901
Tiền gửi ngân hàng	2.331.131.753	18.587.675.865
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Hải Phòng (VND)	1.093.927.440	187.792.449
Ngân hàng TMCP Á Châu TP. HCM (VND)	104.794.840	1.139.566
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam CN Hồng Bàng (VND)	767.081.125	18.131.551.626
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam TP HCM (VND)	1.802.183	651.307
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam CN Nam Hà Nội (VND)	51.199.891	203.996.587
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam CN Hồng Bàng (USD)	4.926.522	4.589.150
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Hà Nội	307.399.752	57.955.180
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.426.466.840</b>	<b>18.951.623.984</b>
<b>2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu tiền thuế TNCN của công nhân viên	176.407.314	19.912.954
Kho bạc huyện Gia Lâm	28.682.100	-
Phải thu khác	147.144.094	4.743.750
<b>Tổng cộng</b>	<b>352.233.508</b>	<b>24.656.704</b>
<b>3. Hàng tồn kho</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	28.786.096.317	24.245.918.876
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.278.015.374	5.265.032.050
Thành phẩm	6.075.104.455	5.201.584.861
Hàng hoá	1.378.129.992	4.521.096.164
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>43.517.346.138</b>	<b>39.233.631.951</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3**

Địa chỉ: Số 16 đường Lê Đại Hành – Quận Hồng Bàng – TP Hải Phòng

Tel: (84-31) 3 842 218 Fax: (84-31) 3 823 125

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu số B 09-DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND	
						Cộng	
Nguyên giá							
Số dư ngày 01/01/2014		28.195.448.441	20.871.507.139	2.695.904.586	2.605.482.786		54.368.342.952
Mua trong năm		-	22.586.039.038	2.546.213.091	-		25.132.252.129
Đầu tư XD CB hoàn thành		29.050.536.573	-	-	-		29.050.536.573
Giảm khác		-	-	-	-		-
Số dư ngày 31/12/2014		57.245.985.014	43.457.546.177	5.242.117.677	2.605.482.786		108.551.131.654
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư ngày 01/01/2014		4.485.948.178	9.814.245.466	1.291.109.147	1.126.979.814		16.718.282.605
Khấu hao trong năm		1.497.330.338	2.771.684.292	482.419.226	240.377.568		4.991.811.424
Giảm khác		-	-	-	-		-
Số dư ngày 31/12/2014		5.983.278.516	12.585.929.758	1.773.528.373	1.367.357.382		21.710.094.029
Giá trị còn lại							
Số dư ngày 01/01/2014		23.709.500.263	11.057.261.673	1.404.795.439	1.478.502.972		37.650.060.347
Số dư ngày 31/12/2014		51.262.706.498	30.871.616.419	3.468.589.304	1.238.125.404		86.841.037.625

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 28.155.138.307 đồng

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.345.882.549 VND

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		31/12/2014	01/01/2014
		VND	VND
Chi phí mua máy hút ẩm		-	685.678.857
Công trình nhà Sản xuất thuốc đông dược		-	22.493.499.137
Công trình tại Đà Nẵng		1.325.500.000	1.325.500.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.325.500.000</b>	<b>24.504.677.994</b>
6. Chi phí trả trước dài hạn		31/12/2014	01/01/2014
		VND	VND
Chi phí trả trước thiết bị, dụng cụ		1.409.321.580	699.604.939
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.409.321.580</b>	<b>699.604.939</b>
7. Vay và nợ ngắn hạn	Lãi suất (%/năm)	31/12/2014	01/01/2014
		VND	VND
<b>Vay ngắn hạn VND</b>			
<b>Vay Ngân hàng</b>			
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam CN Hồng Bàng (*)	7,5% - 10,5%	4.483.601.476	14.038.825.691
<b>Vay cá nhân (**)</b>			
Đinh Thị Tịch	10,5%	120.000.000	120.000.000
Nguyễn Thị Tảo (Tân)	10,5%	100.000.000	250.000.000
Phạm Thị Thanh Tùng (Minh Hương)	10,5%	850.000.000	850.000.000
Nguyễn Thị Tân	10,5%	50.000.000	50.000.000
Hà Thị Đào	10,5%	160.000.000	160.000.000
Nguyễn Hải An	10,5%	550.000.000	600.000.000
Lưu Tuấn Phương	10,5%	2.200.000.000	-
Nguyễn Hải Gia Hân	10,5%	100.000.000	100.000.000
Nguyễn Thị Kim Thu	10,5%	300.000.000	200.000.000
Nguyễn Thị Chính	10,5%	338.000.000	-
Tạ Thúy Hồng	10,5%	280.000.000	-
Trần Thị Nhung	10,5%	160.000.000	-
Nguyễn Thị Thiết	10,5%	-	100.000.000
Tôn Thị Hồng Nhung	10,5%	200.000.000	-
Nguyễn Thị Hải Trà	10,5%	560.000.000	290.000.000
Bùi Thị Diệp Chi	10,5%	-	75.000.000
Lê Thị Kim Phổ	10,5%	450.000.000	450.000.000
Nguyễn Lê Thuý	10,5%	600.000.000	600.000.000
Nguyễn Thị Sơn	10,5%	400.000.000	400.000.000
Nguyễn Ngọc Oanh	10,5%	500.000.000	500.000.000



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Tô Thị Cao Đan	10,5%	100.000.000	100.000.000
Ngô Thị Hồng	10,5%	125.000.000	125.000.000
Các đối tượng khác	10,5%	4.642.355.369	7.734.860.654
<b>Tổng cộng</b>		<b>17.328.956.845</b>	<b>26.743.686.345</b>

(\*) Khoản vay ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Hồng Bàng theo hợp đồng tín dụng số 01/HM/2014 ngày 03/07/2014 với hạn mức vay 18.000.000.000 đồng từ 03/7/2014 đến 03/07/2015. Mục đích sử dụng khoản vay: để bổ sung vốn lưu động, mở và thanh toán L/C bằng vốn vay ngân hàng, bảo lãnh phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất được tính là lãi suất năm và bằng tổng của lãi suất cơ sở và biên độ tối đa 8%/năm. Lãi suất kỳ hạn đầu tiên là 13,5%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là toàn bộ nhà xưởng, vật kiến trúc gắn liền với đất tại xã Nam Sơn, huyện An Dương, Hải Phòng và máy móc thiết bị.

(\*\*) Khoản vay từ cán bộ công nhân viên để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh với kỳ hạn và lãi suất tiền vay theo thỏa thuận từng thời kỳ và theo thông báo của Công ty.

**8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2014	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2014
Thuế GTGT đầu ra	-	211.806.001	211.806.001	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.541.697.854	1.541.697.854	-
Thuế GTGT hàng NK ủy thác	-	3.877.820	3.877.820	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.487.228.162	7.156.935.287	9.222.834.585	2.421.328.864
Thuế thu nhập cá nhân	93.620.310	507.160.792	355.561.804	245.219.298
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.377.166.312	1.217.322.312	159.844.000
Thuế môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-
Thuế khác	-	41.774.750	41.774.750	-
<b>Cộng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b>4.580.848.472</b>			<b>2.826.392.162</b>

**9. Chi phí phải trả**

31/12/2014  
VND

01/01/2014  
VND

Trích trước chi phí lãi vay	59.136.708	13.770.555
Trích trước chi phí khác	67.346.475	948.937
Trích trước dự phòng tiền lương	1.700.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.826.483.183</b>	<b>14.719.492</b>

**10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

31/12/2014  
VND

01/01/2014  
VND

Tài sản thừa chờ xử lý	255.465.824	224.333.682
Kinh phí công đoàn	61.757.790	-
Bảo hiểm xã hội	-	866.026
Bảo hiểm y tế	-	2.350.183
Phải trả về cổ phần hoá	-	10.021.500



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**  
*(tiếp theo)*

Các khoản phải trả, phải nộp khác			385.371.525	780.113.774
<i>Cổ tức phải trả</i>			385.216.525	227.555.900
<i>Phải trả khác</i>			155.000	552.557.874
<b>Tổng cộng</b>			<b>702.595.139</b>	<b>1.017.685.165</b>
<b>11. Vay và nợ dài hạn</b>	<b>Kỳ hạn</b>	<b>Lãi suất</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<i>(năm)</i>	<i>(%/năm)</i>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng Công thương Việt Nam CN Hồng Bàng (*)	07	7,5% - 12,5%	18.258.801.000	5.700.000.000
Nguyễn Đình Đức			1.260.000.000	-
Lê Thị Hòa			800.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>			<b>20.318.801.000</b>	<b>5.700.000.000</b>

(\*) Khoản vay ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Hồng Bàng theo hợp đồng tín dụng số 01/HM/2013 ngày 23/07/2013 với hạn mức vay 20.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 7 năm. Mục đích sử dụng khoản vay: để bổ sung vốn xây dựng phân xưởng sản xuất thuốc Đông dược. Lãi suất cho vay của khoản nợ là lãi suất thả nổi, được xác định và điều chỉnh theo các quy định trong hợp đồng. Lãi suất của kỳ đầu tiên là 12,5%. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là toàn bộ nhà xưởng, máy móc thiết bị thực hiện từ dự án.

**12. Vốn chủ sở hữu**

**12.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2013	35.000.000.000	26.094.627.500	4.974.224.140	66.068.851.640
Tăng vốn trong năm trước	17.500.000.000	-	-	17.500.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	7.942.570.290	7.942.570.290
Chia cổ tức	-	-	(3.500.000.000)	(3.500.000.000)
Trích lập các quỹ	-	-	(460.139.200)	(460.139.200)
Giảm khác	-	(10.000.000)	(506.247.440)	(516.247.440)
Số dư tại ngày 31/12/2013	52.500.000.000	26.084.627.500	8.450.407.790	87.035.035.290
Lãi trong năm nay	-	-	11.689.751.259	11.689.751.259
Chia cổ tức	-	-	(6.125.000.000)	(6.125.000.000)
Trích lập các quỹ	-	-	(794.257.030)	(794.257.030)
Giảm khác	-	(50.000.000)	(873.682.732)	(923.682.732)
Số dư tại ngày 31/12/2014	52.500.000.000	26.034.627.500	12.347.219.287	90.881.846.787
<b>12.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>			<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
			<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vốn góp của Nhà nước			13.499.990.000	13.499.990.000
Vốn góp của các cổ đông khác			39.000.010.000	39.000.010.000
<b>Cộng</b>			<b>52.500.000.000</b>	<b>52.500.000.000</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

**12.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>		
Vốn góp đầu năm	52.500.000.000	35.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	17.500.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	52.500.000.000	52.500.000.000
<i>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</i>	<i>6.125.000.000</i>	<i>3.500.000.000</i>

**12.4 Cổ phiếu**

	Năm 2014 Cổ phiếu	Năm 2013 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.250.000	5.250.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.250.000	5.250.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.250.000</i>	<i>5.250.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.250.000	5.250.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.250.000</i>	<i>5.250.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty.

**12.4 Các quỹ của công ty**

Đơn vị tính: VND

	01/01/2014	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	31/12/2014
Quỹ đầu tư phát triển	3.391.436.332	397.128.515	-	3.788.564.847
Quỹ dự phòng tài chính	1.211.018.394	397.128.515	-	1.608.146.909
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.602.454.726</b>	<b>794.257.030</b>	<b>-</b>	<b>5.396.711.756</b>

**(\*) Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:**

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập bằng 5% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính của doanh nghiệp được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông. Quỹ dự phòng tài chính được trích lập trong năm bằng 5% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp**

13. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	184.371.323.690	151.907.407.873
<b>Tổng cộng</b>	<b>184.371.323.690</b>	<b>151.907.407.873</b>
14. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Hàng bán bị trả lại	75.421.180	27.405.632
<b>Tổng cộng</b>	<b>75.421.180</b>	<b>27.405.632</b>
15. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	184.295.902.510	151.880.002.241
<b>Tổng cộng</b>	<b>184.295.902.510</b>	<b>151.880.002.241</b>
16. Giá vốn hàng bán	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã bán	106.358.320.330	89.678.099.099
<b>Tổng cộng</b>	<b>106.358.320.330</b>	<b>89.678.099.099</b>
17. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	49.280.721	52.913.835
<b>Tổng cộng</b>	<b>49.280.721</b>	<b>52.913.835</b>
18. Chi phí tài chính	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền vay	3.223.952.330	2.519.865.727
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	3.364.239.548
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	137.143.045	149.865.967
Chi phí tài chính khác	-	29.516.111
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.361.095.375</b>	<b>6.063.487.353</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**  
*(tiếp theo)*

<b>19. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>Năm 2014</b>	<b>Năm 2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	185.263.054.181	155.959.609.895
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	159.211.559.346	130.010.697.248
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	26.051.494.835	25.948.912.647
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.731.328.864	6.487.228.162
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.	5.731.328.864	6.487.228.162
<b>20. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>Năm 2014</b>	<b>Năm 2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	85.321.616.088	54.445.042.284
Chi phí nhân công	28.421.089.264	17.214.254.383
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.993.856.655	3.402.452.161
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.178.372.948	23.860.416.140
Chi phí khác bằng tiền	23.681.322.427	2.970.424.711
<b>Tổng cộng</b>	<b>157.596.257.382</b>	<b>101.892.589.679</b>
<b>21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>Năm 2014</b>	<b>Năm 2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận thuần trong năm phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.689.751.259	7.942.570.290
+ Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.689.751.259	7.942.570.290
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.250.000	3.528.190
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.227	2.251
<b>22. Công cụ tài chính</b>		
<b>Quản lý rủi ro vốn</b>		
<p>Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.</p> <p>Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại thuyết minh số V.07 và V.11, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc chủ sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).</p> <p>Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:</p>		
<b>Công nợ tài chính</b>	<b>31/12/14</b>	<b>01/01/14</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản vay	37.647.757.845	32.443.686.345
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	2.426.466.840	18.951.623.984



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Nợ thuần	35.221.291.005	13.492.062.361
Vốn chủ sở hữu	96.278.558.543	91.637.490.016
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	39,10%	35,40%
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>131.499.849.548</u></b>	<b><u>105.129.552.377</u></b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính trình bày tại Thuyết minh số IV.

**Các loại Công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.426.466.840	18.951.623.984
Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.061.363.465	16.682.188.144
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>16.487.830.305</u></b>	<b><u>35.633.812.128</u></b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	37.647.757.845	32.443.686.345
Phải trả người bán và phải trả khác	11.624.076.611	16.544.833.819
Chi phí phải trả	1.826.483.183	14.719.492
<b>Tổng Cộng</b>	<b><u>51.098.317.639</u></b>	<b><u>49.003.239.656</u></b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 31/12/2014 do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua công cụ tài chính.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP****Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014***(tiếp theo)**Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm 31/12/2014 như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	2.949.750.000	1.627.762.000	975.961.396	975.624.024

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không chịu rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản vay gốc. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày càng sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	11.624.076.611	-	11.624.076.611



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Chi phí phải trả	1.826.483.183	-	1.826.483.183
Các khoản vay	17.328.956.845	20.318.801.000	37.647.757.845

<b>01/01/2014</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 - 5 năm VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	16.544.833.819	-	16.544.833.819
Các khoản vay	26.743.686.345	5.700.000.000	32.443.686.345

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp, Ban giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<b>31/12/2014</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 - 5 năm VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.426.466.840	-	2.426.466.840
Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.061.363.465	-	14.061.363.465

<b>01/01/2014</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 - 5 năm VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.951.623.984	-	18.951.623.984
Phải thu khách hàng và phải thu khác	16.682.188.144	-	16.682.188.144

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp**

**VIII Những thông tin khác**

**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính 2014.

**2. Thông tin về các bên liên quan**

**2.1 Giao dịch với các bên liên quan**

	<b>Quan hệ với Công ty</b>	<b>Năm 2014 VND</b>	<b>Năm 2013 VND</b>
<b>Bán hàng</b>			
Công ty TNHH Đại Bắc	Cổ đông	16.000.19.127	20.030.522.200
<b>Mua hàng</b>			
Công ty TNHH Đại Bắc	Cổ đông	54.000.000	667.162.760



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

2.2 Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm		Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lương, thưởng		1.253.975.394	1.177.810.129
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.253.975.394</b>	<b>1.177.810.129</b>
2.3 Số dư với các bên liên quan	<i>Quan hệ với Công ty</i>	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>Các khoản phải thu</b>			
Công ty TNHH Đại Bắc	Cổ đông	1.992.102.263	2.818.939.148
<b>Các khoản phải trả</b>			
Công ty TNHH Đại Bắc	Cổ đông	-	220.000.000
<b>Các khoản vay</b>			
Nguyễn Thị Kim Thu	Kế toán trưởng	300.000.000	200.000.000
Ngô Thị Hồng	Phó Tổng giám đốc	125.000.000	125.000.000
3. Những thông tin khác			
3.1 Phải thu của khách hàng		31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Công ty Fileon - Ukraina		971.034.874	971.034.874
Công ty TNHH Đại Bắc		1.992.102.263	2.818.939.148
Công ty CP Dược và vật tư y tế Hải Dương		56.330.400	428.517.760
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển y tế		2.242.100.310	2.114.250.935
Công ty CP TM Dược Đông Bắc		1.296.665.726	2.136.547.531
CTCP TM Dược phẩm Tâm Phát		-	127.490.750
Công ty TNHH Dược Phẩm Việt Anh		-	4.171.188
Công ty CP Dược phẩm Hoà Phát		1.087.105.582	-
Các đối tượng khác		7.128.265.755	9.081.054.207
<b>Tổng cộng</b>		<b>14.773.604.910</b>	<b>17.682.006.393</b>
3.2 Trả trước cho người bán		31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Công ty CP Xây lắp điện Duyên Hải		-	285.000.000
Công ty CP Đầu tư và Kỹ thuật CĐ Sông Hồng		-	4.108.547.200
Công ty CP Thiết bị MPM		-	519.321.270
Công ty CP phát triển khoa học Công nghệ VINA		90.000.000	-
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn		182.700.000	-
Các đối tượng khác		122.606.254	1.103.705.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>395.306.254</b>	<b>6.016.573.470</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

<b>3.3 Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tài sản thiếu chờ xử lý	100.242.280	44.956.996
Các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	789.310.202	770.842.020
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- CN Hồng Bàng	663.734.702	-
Sở y tế tỉnh Bình Định	-	601.856.920
Bệnh viện Hữu Nghị	-	29.717.100
Các đối tượng khác	125.575.500	139.268.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>889.552.482</b>	<b>815.799.016</b>
<b>3.4 Phải trả người bán</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH MTV Dược phẩm TW 2 - CN Hà Nội	-	2.002.438.200
Công ty CP Thương mại dược liệu Sơn Tùng	2.411.692.605	1.660.128.561
Công ty TNHH Giang Hà Anh	578.064.300	398.449.150
Công ty TNHH TM và Dược phẩm Hưng Việt	807.288.379	538.192.253
Công ty TNHH An Thịnh	412.551.255	435.418.770
Công ty TNHH SX Bao bì và TM Đức Thành	-	865.143.191
Công ty CP Thương mại Việt Phát	-	161.626.850
Công ty CP Hoá Dược Việt Nam	-	111.202.289
Kukje Pharma Ind.Co.LTD Korea	2.949.750.000	1.627.762.000
Vũ Xuân Dương	-	258.242.052
Công ty CP Dược phẩm CPC1 Hà Nội	238.761.600	-
Công ty TNHH FLAVON	377.665.200	-
Bà Nguyễn Thị Thanh	-	1.721.926.000
Các đối tượng khác	3.145.708.133	5.746.619.338
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.921.481.472</b>	<b>15.527.148.654</b>
<b>3.5 Người mua trả tiền trước</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty CP Dược phẩm Hoà Phát	-	953.776.862
Nguyễn Thị Bích Huệ	50.000.000	100.000.000
Công ty Vận tải Đức Mạnh	50.065.000	50.062.000
Vũ Duy Đề	50.000.000	-
Các đối tượng khác	6.623.360	22.363.358
<b>Tổng cộng</b>	<b>156.688.360</b>	<b>1.126.202.220</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

**3.6 Chi phí bán hàng**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nhân viên	8.353.241.928	6.300.550.086
Chi phí vật liệu, bao bì	315.879.951	211.387.217
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	38.449.818	71.643.152
Chi phí khấu hao TSCĐ	113.852.815	-
Chi phí bảo hành	8.207.692	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.190.080.380	2.189.599.420
Chi phí bằng tiền khác	23.287.538.529	22.844.898.279
<b>Tổng cộng</b>	<b>35.307.251.113</b>	<b>31.618.078.154</b>

**3.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nhân viên quản lý	13.798.990.012	8.628.541.616
Chi phí vật liệu quản lý	588.539.002	344.666.105
Chi phí đồ dùng văn phòng	637.140.288	185.304.080
Chi phí khấu hao TSCĐ	893.343.704	1.074.102.258
Thuế, phí và lệ phí	1.942.146.136	1.529.616.615
Chi phí dự phòng	100.246.375	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.456.375.871	1.564.699.703
Chi phí bằng tiền khác	378.291.845	522.260.470
<b>Tổng cộng</b>	<b>20.795.073.233</b>	<b>13.849.190.847</b>

**3.8 Thu nhập khác**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Cho thuê kho	707.145.000	662.454.271
Chiết khấu bán hàng	-	3.364.239.548
Thu nhập khác	210.725.950	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>917.870.950</b>	<b>4.026.693.819</b>

**3.9 Chi phí khác**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí khấu hao của nhà cho thuê	225.248.220	-
Chi phí khác	514.094.338	320.955.990
Thuế TNDN bị truy thu	1.280.891.449	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.020.234.007</b>	<b>320.955.990</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

**3.10 Thông tin so sánh**

Là số liệu lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2013 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hải Phòng, ngày 09 tháng 02 năm 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3**

**Người lập**



**Nguyễn Thị Kim Thu**

**Kế toán trưởng**



**Nguyễn Thị Kim Thu**

**Tổng Giám đốc**



**Bùi Xuân Hương**